TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST Ngày: 05-03-2018. V/v**:** " Tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh V".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐL- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ha Tông

Ông Đặng Nguyễn Văn Tích.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐLtham gia phiên tòa*:* Ông Phạm Thanh V – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố ĐL- tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 510/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: đường NQ, phường Đ, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: hẻm N, phường E, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố ĐLvà quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Trần Quang V chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường F, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà chung sống tại đường Quyền, phường

F, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh V ham chơi bài, tụ tập bạn bè thường xuyên ăn nhậu và còn sử dụng ma túy đá, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên đi chơi qua đêm không về. Chị cố níu kéo đã 05 năm nhưng anh V không thay đổi, nay chị xác định không còn tình cảm với anh V, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 07/10/2012 và Trần Bảo H, sinh ngày 11/02/2016. Các con đang ở chung với vợ chồng, ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung vì từ trước đến nay con do chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Trần Quang V được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Chi Thu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng.

Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh V. Giao con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 07/10/2012 và Trần Bảo H, sinh ngày 11/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Việc ấp dưỡng nuôi con và tài sản chung không có tranh chấp nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Anh Trần Quang V được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trịnh Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Quang V và yêu cầu nuôi con, anh V được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để trình bày ý kiến, nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con". Anh V cư trú, sinh sống tại: hẻm N, phường E, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a, khỏa 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố ĐL tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trịnh Thị T và anh Trần Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 6, thành

phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Theo chị T qúa trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do anh V ham chơi bài, tụ tập bạn bè thường xuyên ăn nhậu và còn sử dụng ma túy đá, không có trách nhiệm với gia đình vợ con, nên chị yêu cầu ly hôn. Về phía anh V được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt là thể hiện thái độ không còn mong muốn hằn gắn tình cảm vợ chồng với chi Thu. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt. Nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị T, cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Trần Quang V.

[4] Về con chung: Giữa vợ chồng chị T và anh Trần Quang V có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 07/10/2012 và Trần Bảo H, sinh ngày 11/02/2016, ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không đến Tòa trình bày ý kiến. Xét các con chưa đủ 7 tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao các cho chi Thu trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với qui đinh của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí : Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Trần Quang V.

2- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 07/10/2012 và Trần Bảo H, sinh ngày 11/02/2016, cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3-Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí chị T đã nộp theo biên lai thu

số AAA/2016/0001657 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt), chị Trịnh Thị T đã nộp đủ.

Chị Trịnh Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Quang V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp ĐL;
- UBND phường F.Tp ĐL.
- Chi cục THADS tp. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga